

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NH
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS - ST
Ngày: 10/6/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chiêu
2. Bà Dương Thị Tú Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thu ký
Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nh: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát
viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nh xét xử
công khai vụ án thụ lý số 116/2021/TLST - DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về
việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
60/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số
60/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị D, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp 8B, xã PTTA, huyện Nh, tỉnh BL
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Kh, sinh năm 1957; địa chỉ: địa chỉ: Ấp 2A, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Nh, tỉnh BL
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Ông Mai Văn K; địa chỉ: địa chỉ: Ấp 8B, xã PTTA, huyện Nh, tỉnh BL

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1957;
địa chỉ: Ấp 8B, xã PTTA, huyện Nh, tỉnh BL

- Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: địa chỉ: Ấp 2A, xã Phong
Thạnh Tây B, huyện Nh, tỉnh BL

(Bà D, bà Đượm có mặt, ông Kh vắng mặt)

NỘI D VU ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 27/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày:

Vợ chồng bà D, ông K có cho vợ chồng bà Trương Thị Đ, ông Nguyễn Hoàng Kh vay với số tiền là 40.000.000 đồng vào ngày 20/9/2017. Khi cho vay có làm biên nhận nợ do ông Kh tự viết. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có ghi vào tờ giấy nợ. Không thỏa thuận thời gian trả dứt điểm nợ gốc là khi nào.

Từ lúc bà D cho vay đến nay thì vợ chồng ông Kh, bà Đ chưa trả cho bà D bất kỳ khoản tiền nào, kể cả tiền lãi. Do đó, bà Ngô Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Kh, bà Trương Thị Đ có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà D số tiền còn thiếu là 40.000.000 đồng. Lãi suất được tính theo quy định của pháp luật, thời điểm tính lãi kể từ ngày vay.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không ghi được lời khai, ý kiến của ông Nguyễn Hoàng Kh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Đ trình bày: Đồng ý với yêu cầu của bà D là vợ chồng bà còn nợ lại bà D số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi từ khi vay (ngày 20/9/2017) bà đóng đầy đủ cho bà D đến tháng 10/2018 mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Từ tháng 11/2018 đến tháng 10/2019 thì vợ chồng bà đóng tiền lãi cho bà D mỗi tháng là 3.600.000 đồng. Từ tháng 11/2019 đến nay thì không có đóng tiền lãi cho bà D. Khi đóng tiền lãi thì không có làm biên nhận gì, có lúc thì đưa trực tiếp bà D, có lúc thì đưa cho cháu của bà D.

Hiện nay, bà D còn giữ của bà 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào trả xong hết tiền thì bà yêu cầu bà D trả lại, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nh phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự về việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội D vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D. Buộc ông Nguyễn Hoàng Kh, bà Trương Thị Đ trả cho bà Ngô Thị D, ông Mai Văn K số tiền còn thiếu là 58.896.000 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng và nợ lãi 18.896.000 đồng.

Đối với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Đạm có giao cho bà D giữ khi vay tiền thì bà Đạm không yêu cầu bà D trả lại, các bên tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng Kh, bà Trương Thị Đạm được miễn toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng : Bà Ngô Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Kh, bà Trương Thị Đạm cùng có trách nhiệm trả tiền vay; ông Kh, bà Đạm có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Nh nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Nh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông Nguyễn Hoàng Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông Kh là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội D vụ án: Nguyên đơn bà Ngô Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Kh, bà Trương Thị Đạm có trách nhiệm trả nợ tiền vay cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày nhận tiền vay. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện nguyên đơn có cung cấp 01 biên nhận có nội D bà D cho vợ chồng bà Đạm, ông Kh vay tiền vào ngày 20/9/2017 với số tiền là 40.000.000 đồng. Bà Đạm thừa nhận có vay tiền của bà D số tiền trên và đồng ý trả số nợ gốc còn thiếu 40.000.000 đồng cho bà D. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Kh trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết nhưng không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Kh, bà Đạm còn nợ bà D, ông Kiệm số tiền nợ vay là 40.000.000 đồng.

Từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D buộc ông Kh, bà Đạm có nghĩa vụ trả cho bà D, ông Kiệm số tiền là 40.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà D yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay tiền cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Đạm không đồng ý cho rằng đối với số tiền lãi từ khi vay (ngày 20/9/2017) bà đóng đầy đủ cho bà D đến tháng 10/2018 mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Từ tháng 11/2018 đến tháng 10/2019 thì vợ chồng tôi đóng tiền lãi cho bà D mỗi tháng là 3.600.000 đồng. Từ tháng 11/2019 đến nay thì không có đóng tiền lãi cho bà D. Khi đóng tiền lãi thì không có làm biên nhận gì, có lúc thì đưa trực tiếp bà D, có lúc thì đưa cho cháu

của bà D. Tuy nhiên, bà D không thừa nhận sự việc trên và cho rằng từ lúc vay đến nay bà Đuộm chưa đóng khoản tiền lãi nào cho bà.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*”. Do bà Đuộm, ông Kh không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ, trong khi bà D lại không thừa nhận sự việc trên nên có căn cứ xác định bà Đ, ông Kh chưa thực hiện đóng lãi cho bà D. Do đó, không chấp nhận lời trình bày của bà Đuộm.

Về mức lãi suất, bà D cho rằng khi cho vay thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, bà Đuộm thì cho rằng thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng và sau đó giảm xuống còn 9%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở xác định giao dịch giữa bà D và bà Đuộm, ông Kh là cho vay có lãi. Do hai bên còn tranh chấp về lãi suất cho vay, nên mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 “*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”, mức lãi suất áp dụng là 10%/ năm. Thời gian tính lãi suất là: từ ngày 20/9/2017 đến ngày 10/6/2022 là 4 năm 08 tháng 21 ngày x 40.000.000 đồng x 10%/năm = 18.896.000 đồng.

[5] Đối với việc bà D hiện nay còn giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đuộm, ông Kh thì bà Đuộm không có yêu cầu bà D trả lại, các bên tự thỏa thuận với nhau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án: Ông Nguyễn Hoàng Kh và bà Trương Thị Đuộm là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469, 357 và 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D đối với yêu cầu bà Đ, ông Kh trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 40.000.000 đồng và nợ lãi là 10%/năm.

Buộc bà Trương Thị Đượm, ông Nguyễn Hoàng Kh có trách nhiệm trả bà Ngô Thị D, ông Mai Văn K số tiền còn nợ là 58.896.000 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng và nợ lãi 18.896.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án

2. *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trương Thị Đ, ông Nguyễn Hoàng Kh được miễn toàn bộ. Bà Ngô Thị D không phải chịu án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nh;
- THADS huyện Nh;
- TAND tỉnh BL;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm